

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**.

- Các Hội Thẩm Nhân Dân: Ông **Danh Chung** và ông **Vũ Văn Hợp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Lâm Sễn** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2023/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2023, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Dương Mỹ Ph**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: ấp Bình L, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

(Chị Ph có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Anh **Phan Đình Q**, sinh năm: 1981

Chỗ ở hiện nay: ấp An B, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Q vắng mặt phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Dương Mỹ Ph trình bày: Tôi và chồng tôi kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và chồng tôi có một người con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 20/10/2008 hiện đang sống cùng tôi.

Về tài sản chung: Thời gian chung sống không có tạo lập được tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung.

Thời gian đầu sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng tôi bắt đầu mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau mặc dù tôi cố gắng khắc phục nhưng không thành.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với chồng tên Phan Đình Q
- Về con chung: Xin được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Phan Gia Bảo, sinh ngày 20/10/2008 không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Đình Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thông báo thụ lý vụ án nhưng anh Q cố tình trốn tránh không nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Qua thời gian luật định anh Q vẫn không tự khai và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để cho vợ chồng anh Q và chị Ph có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Q vẫn cố tình vắng mặt. Trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án cũng đã triệu tập anh Q đến lần thứ hai nhưng anh Quý vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Mỹ Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Dương Mỹ Ph yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Phan Đình Q, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Theo biên bản xác minh ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với ấp An B, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xác nhận như sau: Mặc dù bị đơn anh Phan Đình Q không có hộ khẩu thường trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nhưng hiện tại anh Đình Q đang sinh sống và làm việc tại ấp An B, xã Bình A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[1.2] - Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Phan Đình Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Q vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Mỹ Ph và anh Phan Đình Q xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2007 và được UBND xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Quốc nguyên

nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Thực tế chị Ph và anh Q đã sống ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Đối với anh Q Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q vẫn không có mặt theo thông báo của Tòa án điều này thể hiện anh Q không muốn hòa giải, hàn gắn để được đoàn tụ với chị Ph.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Ph và anh Q đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ph vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống. Do vậy, yêu cầu của chị Ph xin ly hôn với anh Q là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Ph xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị có 01 người con chung tên Phan Gia Bảo, sinh ngày 20/10/2008 và tại phiên tòa chị Ph yêu cầu được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia B. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng chị Ph sống ly thân với nhau đến nay con do chị Ph chăm sóc nuôi dưỡng và tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của cháu Gia Bảo thể hiện cháu có nguyện vọng sống với chị Ph nên HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao cháu Gia Bảo cho chị Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Phượng về quyền yêu cầu anh Quý cấp dưỡng nuôi cháu Gia cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Phượng xác định không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con và việc chị Phượng không yêu cầu anh Quý phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Quý đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị Phượng và anh Quý được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phượng xác nhận vợ chồng chị không

có tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.5] Về nợ chung: Chị Dương Mỹ Ph xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phượng là nguyên đơn do đó phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Mỹ Ph về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Phan Đình Q

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Mỹ Ph và anh Phan Đình Q.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 20/10/2008 cho chị Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con), chị Ph không yêu cầu anh Quý cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Dương Thị Ph xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Dương Mỹ Ph xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Dương Mỹ Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng chị Phụng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005479, ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Chị Phụng không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

Nơi nhận:

- *TAND Tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS Huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà****Danh Pì Sách**